

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 149/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 26-9-2024
V/v “tranh chấp HNGĐ về ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thúy An

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Trần Ánh Nhạn;
- Ông Nguyễn Thanh Văn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Đình Quế Anh – Thư ký Toà án nhân dân huyện Gò Dầu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lâm Quốc Bảo - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 375/2024/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2024 về “Tranh chấp hôn nhân gia đình về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm: 1997. Địa chỉ: Ấp F, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (có đơn xin vắng mặt)

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Đa K, sinh năm: 1990. Địa chỉ: Ấp F, xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/6/2024 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân T trình bày:

Chị và anh K tự tìm hiểu rồi về chung sống với nhau vào năm 2020, có tổ chức lễ cưới nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng chung sống

hạnh phúc, sau đó xảy ra mâu thuẫn, do hai vợ chồng không hợp tính tình, bất đồng quan điểm sống nên hay cãi vã, ly thân từ cuối năm 2023 cho đến nay không hàn gắn được. Nay thấy tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên chị khởi kiện xin ly hôn. Do chị và anh K không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng.

Về con chung: Theo đơn khởi kiện chị trình bày chị và anh K có 01 con chung tên Nguyễn Gia K1, sinh ngày 05/3/2022; hiện đang sống với chị. Tuy nhiên ngày 16/8/2024 chị có đơn xin rút lại phần phần yêu cầu khởi kiện liên quan đến con chung, chị xác định cháu Nguyễn Gia K1 là con riêng của chị, giấy khai sinh không để tên cha. Chị và anh K không có con chung.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh K không có nợ chung.

Bị đơn anh Nguyễn Đa K đã được Tòa án tổng đạt thông báo về việc thụ lý vụ án; triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do, không có bản khai, cũng không trình bày lời khai theo yêu cầu của Tòa án

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thời hạn thụ lý, giải quyết vụ án; việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng và việc tuân thủ quy định pháp luật của nguyên đơn, người tiến hành tố tụng đều đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn là anh K không chấp hành theo quy định, được triệu tập họp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt anh chị là đúng theo quy định tại khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử: căn cứ khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Xuân T và anh Nguyễn Đa K.

Về con chung: chị T trình bày không có con chung nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân T phải chịu tiền án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án do các bên cung cấp và qua kết quả thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị T có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh K, có địa chỉ cư trú tại huyện G, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu thụ lý và giải quyết là đúng theo quy định tại Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Trong quá trình giải quyết, chị T có đơn xin xét xử vắng mặt; anh K được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T và anh K.

[2] Về hôn nhân: Chị T và anh K chung sống với nhau từ năm 2020, nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống giữa anh chị phát sinh nhiều mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm trong sinh hoạt hàng ngày nên vợ chồng thường xuyên cãi vã; ly thân từ cuối năm 2023 đến nay, không hàn gắn, đoàn tụ được nên chị T có đơn yêu cầu ly hôn.

Quá trình làm việc, Tòa án đã triệu tập anh K nhiều lần nhưng anh không đến Tòa án làm việc, không cung cấp bản khai và các tài liệu chứng cứ liên quan do đó Tòa án căn cứ vào những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ để giải quyết vụ án.

Qua lời trình bày của chị T; Biên bản xác minh ngày 18/7/2024 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh Tây Ninh và kết quả xác minh tại địa phương thể hiện chị T và anh K chung sống với nhau từ năm 2020, tuy có đủ điều kiện đăng ký kết hôn theo quy định nhưng trong suốt thời gian chung sống cho đến nay anh chị không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng. Do đó căn cứ khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Xuân T và anh Nguyễn Đa K.

[3] Về con chung: Chị T trình bày chị và anh K không có con chung, không yêu cầu gì. Anh K không có văn bản trình bày ý kiến liên quan đến con chung, do đó không đặt ra giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị T trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân T phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 14, Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị Xuân T và anh Nguyễn Đa K.

2. Về con chung: Chị T trình bày không có con chung, không yêu cầu gì nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Nguyễn Thị Xuân T trình bày không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Xuân T phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị T đã nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0014268 ngày 11/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh. Anh Nguyễn Đa K không phải chịu án phí.

5. Về quyền kháng cáo bản án: Chị Nguyễn Thị Xuân T và anh Nguyễn Đa K có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp pháp.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- C.c THADS huyện Gò Dầu;
- UBND xã Bàu Đồn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu tập án.

THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Thúy An